

Số: 37/2006/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 26 tháng 7 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ
các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04 tháng 4 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 179/1999/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ Quy định việc thi hành Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1026/TTr-SNN ngày 14 tháng 7 năm 2006,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 142/QĐ-UB ngày 19 tháng 01 năm 1996 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành bản Quy định về chế độ quản lý và sử dụng các công trình thủy lợi Nhà nước giao cho hợp tác xã nông lâm nghiệp.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, Chủ tịch UBND

các xã, thị trấn, Chủ nhiệm các Hợp tác xã nông lâm nghiệp, Trưởng Ban quản lý công trình thuỷ lợi xã, liên xã, liên huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Lê Thị Quang

congbao.tuyenquang.gov.vn

QUY ĐỊNH
Về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2006/QĐ-UBND ngày 26/7/2006
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh được quản lý, khai thác và bảo vệ theo Quy định này gồm:

1. Công trình thủy lợi Nhà nước đầu tư đã được chuyển giao cho Hợp tác xã nông lâm nghiệp quản lý, sử dụng;
2. Công trình thủy lợi do Hợp tác xã nông lâm nghiệp tự bỏ vốn xây dựng;
3. Các công trình thủy lợi xây dựng mới bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước thuộc các dự án đầu tư và các công trình nhân dân đóng góp xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Hợp tác xã nông lâm nghiệp, Ban quản lý công trình thủy lợi xã, liên xã, liên huyện được giao quản lý và sử dụng công trình thủy lợi theo Điều 4 của Quy định này;
2. Các Tổ hợp tác dùng nước được giao quản lý và sử dụng công trình thủy lợi tại khoản 8 Điều 4 của Quy định này;
3. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng nước từ công trình thủy lợi phục vụ cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ;
4. Nhóm hộ gia đình, cá nhân có ao, hồ tưới tiêu cho sản xuất nông lâm nghiệp.

Chương II
QUẢN LÝ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 3. Các loại hình tổ chức quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

1. Ban quản lý công trình thuỷ lợi tưới liên huyện;
2. Ban quản lý công trình thuỷ lợi tưới liên xã;
3. Ban quản lý công trình thuỷ lợi tưới cho nhiều hợp tác xã trong một xã;
4. Ban quản lý công trình thuỷ lợi tưới cho một hợp tác xã;
5. Ban quản lý công trình thuỷ lợi tưới cho một nhóm hộ;
6. Tổ hợp tác dùng nước.

Điều 4. Tổ chức quản lý đối với các công trình thuỷ lợi

Tuỳ từng quy mô công trình thuỷ lợi mà thành lập các tổ chức quản lý khai thác cho phù hợp, cụ thể như sau:

1. Đối với công trình tưới gọn cho một Hợp tác xã: Ủy ban nhân dân xã thành lập Ban quản lý công trình thuỷ lợi, Trưởng ban quản lý công trình thuỷ lợi là Chủ nhiệm Hợp tác xã nông lâm nghiệp chịu trách nhiệm trước UBND xã về tổ chức thực hiện việc quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi được giao. Ban quản lý công trình thuỷ lợi khi tham gia các giao dịch trong quá trình quản lý, điều hành, hoạt động được sử dụng con dấu của Hợp tác xã nông lâm nghiệp;

2. Đối với công trình tưới cho nhiều Hợp tác xã trong một xã: Ủy ban nhân dân xã thành lập Ban quản lý công trình thuỷ lợi xã, các thành viên Ban quản lý công trình thuỷ lợi gồm các Chủ nhiệm các Hợp tác xã nông lâm nghiệp có sử dụng nước của công trình, Trưởng Ban quản lý công trình thuỷ lợi xã là Chủ nhiệm Hợp tác xã nông lâm nghiệp có công trình đầu mối trên địa bàn. Ban quản lý công trình thuỷ lợi khi tham gia các giao dịch trong quá trình quản lý, điều hành, hoạt động được sử dụng con dấu của Hợp tác xã nông lâm nghiệp có Chủ nhiệm Hợp tác xã nông lâm nghiệp là Trưởng Ban quản lý;

3. Đối với công trình thuỷ lợi tưới cho nhiều xã trong một huyện: Ủy ban nhân dân huyện thành lập Ban quản lý công trình thuỷ lợi liên xã, thành viên Ban quản lý công trình thuỷ lợi là Chủ tịch UBND xã, Chủ nhiệm các Hợp tác xã nông lâm nghiệp có sử dụng nước của công trình, Trưởng Ban quản lý công trình thuỷ lợi do Chủ tịch UBND huyện quyết định bổ nhiệm sau khi thoả thuận với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ban quản lý công trình thuỷ lợi khi tham gia các giao dịch trong quá trình quản lý, điều hành, hoạt động được sử dụng con dấu riêng;

4. Đối với công trình thuỷ lợi tưới liên huyện: Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban quản lý công trình thuỷ lợi liên huyện, Trưởng ban và các thành viên Ban quản lý công trình thuỷ lợi do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã trình Ủy ban nhân dân tỉnh

quyết định. Ban quản lý công trình thuỷ lợi khi tham gia các giao dịch trong quá trình quản lý, điều hành, hoạt động được sử dụng con dấu riêng;

5. Các công trình thuỷ lợi trọng điểm có quy mô lớn (công trình thuỷ lợi tưới tiêu liên huyện và liên xã) kỹ thuật và quản lý phức tạp thì các thành viên Ban quản lý chuyên trách (có chuyên môn kỹ thuật) được cử vào Ban quản lý công trình thuỷ lợi được hưởng lương và phụ cấp theo quy định của đơn vị sự nghiệp công ích, do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

6. Đối với các công trình thuỷ lợi do Hợp tác xã nông lâm nghiệp tự bỏ vốn xây dựng thì Chủ nhiệm Hợp tác xã nông lâm nghiệp tự thành lập Tổ quản lý khai thác công trình thuỷ lợi;

7. Các công trình thuỷ lợi do UBND xã hiện đang quản lý, cho thuê mặt nước đầu thầu nuôi cá: UBND huyện, thị xã ra quyết định thu hồi giao cho Hợp tác xã nông lâm nghiệp, Ban quản lý công trình thuỷ lợi tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ theo Quy định này;

8. Đối với những xã không củng cố được Hợp tác xã nông lâm nghiệp thì UBND huyện, thị xã chỉ đạo UBND xã thành lập Tổ hợp tác dùng nước theo quy định tại Thông tư số 75/2004/TT-BNN ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thuỷ lợi theo Quy định.

Chương III **KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THUỶ LỢI**

Điều 5. Nhiệm vụ của Hợp tác xã nông lâm nghiệp, Ban quản lý công trình thuỷ lợi và Tổ hợp tác dùng nước

1. Thực hiện việc quản lý, khai thác hệ thống công trình thuỷ lợi, mặt nước các ao hồ theo đúng thiết kế kỹ thuật đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Xây dựng quy trình vận hành, bảo vệ công trình thuỷ lợi, quy chế hoạt động của Ban quản lý, trình cấp có thẩm quyền (cấp thành lập Ban quản lý) phê duyệt và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện;

2. Ký và thực hiện hợp đồng dịch vụ cung cấp nước với hộ sử dụng nước, tổ chức, điều hoà, phân phối nước theo lịch tưới tiêu, phát huy tối đa năng lực tưới của công trình. Theo dõi, kiểm tra, xử lý, sửa chữa kịp thời những hư hỏng của công trình; tổ chức nạo vét hệ thống kênh mương, vận hành, duy tu, bảo dưỡng công trình; giữ gìn, phòng chống cạn kiệt nguồn nước và bảo vệ môi trường sinh thái. Tổ chức để các hộ sử dụng nước và nhân dân tham gia quản lý và bảo vệ công trình thuỷ lợi;

3. Thực hiện thu, chi thủy lợi phí, tiền nước trên cơ sở ký kết hợp đồng cung cấp nước với các tổ chức, các hộ sử dụng nước theo đúng quy định;

4. Hàng năm lập kế hoạch sửa chữa, bổ sung, hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi; lập kế hoạch tưới, tiêu; lập kế hoạch phòng chống hạn hán, lũ lụt, và các hành vi xâm hại công trình thủy lợi trình cấp có thẩm quyền (cấp thành lập Ban quản lý) phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định;

5. Đăng ký kinh doanh dịch vụ thủy lợi với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả hoạt động và sản phẩm dịch vụ do Hợp tác xã nông lâm nghiệp, Ban quản lý công trình thủy lợi, Tổ hợp tác dùng nước thực hiện;

6. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch dịch vụ phù hợp với nhiệm vụ được giao và đặc điểm của từng công trình thủy lợi;

7. Sử dụng nguồn vốn, nguồn lực do Nhà nước hỗ trợ theo các chương trình, dự án hoặc đột xuất khi có thiên tai;

8. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản và các chế độ khác do Nhà nước quy định; chịu trách nhiệm về tính xác thực và hợp pháp của các hoạt động tài chính. Thực hiện công khai tài chính hàng năm về thu - chi thủy lợi phí và sử dụng vốn, kinh phí, nguồn lực nhà nước hỗ trợ tại khoản 7 Điều này đảm bảo công khai, dân chủ, minh bạch;

9. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, báo cáo định kỳ và báo cáo bất thường khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, chịu trách nhiệm về tính chính xác của các báo cáo;

10. Tuân thủ sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

11. Kiến nghị với các cấp có thẩm quyền, các ngành chức năng hoặc đề nghị cơ quan pháp luật giải quyết trong trường hợp các hộ sử dụng nước được hưởng lợi từ công trình thủy lợi cố tình không trả thủy lợi phí, tranh chấp về hợp đồng sử dụng nước, sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ công trình thủy lợi và các hành vi phá hoại, trộm cắp tài sản của hệ thống công trình thủy lợi.

Điều 6. Quyền lợi và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng nước từ công trình thủy lợi

1. Quyền lợi:

1.1- Được tham gia xây dựng kế hoạch khai thác, phương án bảo vệ công trình thủy lợi; sử dụng nước theo kế hoạch; ký kết hợp đồng sử dụng nước với Hợp tác xã nông lâm nghiệp, Ban quản lý công trình thủy lợi, Tổ hợp tác dùng nước;

1.2- Được bồi thường thiệt hại trong trường hợp công trình thủy lợi bị thu hồi trước thời hạn vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng theo quy định của Luật Tài nguyên nước và các quy định khác của pháp luật;

1.3- Được khiếu nại, tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các hành vi vi phạm quyền quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

1.4- Được Nhà nước bảo hộ quyền lợi hợp pháp trong quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên nước;

1.5- Được bồi thường thiệt hại do Ban quản lý công trình thủy lợi thực hiện không đúng hợp đồng gây ra.

2. Nghĩa vụ:

2.1- Sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm, bảo vệ môi trường nước; bảo vệ công trình thủy lợi trong phạm vi sử dụng;

2.2- Trả thủy lợi phí, tiền nước đầy đủ và kịp thời theo quy định;

2.3- Chấp hành đầy đủ các quy định của Luật Tài nguyên nước và Pháp lệnh Quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

2.4- Không gây cản trở hoặc làm thiệt hại đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác;

2.5- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính, bồi thường thiệt hại do mình gây ra trong khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Khai thác, sử dụng công trình thủy lợi

1. Các Hợp tác xã nông lâm nghiệp, Ban quản lý công trình thủy lợi, Tổ hợp tác dùng nước được phép khai thác công trình thủy lợi để làm dịch vụ cung cấp nước phục vụ sản xuất nông lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và phát triển các ngành nghề khác;

2. Việc khai thác, sử dụng công trình thủy lợi do Hợp tác xã nông lâm nghiệp, Ban quản lý công trình thủy lợi, Tổ hợp tác dùng nước quản lý tại khoản 1 Điều này phải tuân theo các quy định của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ban hành ngày 04 tháng 4 năm 2001, Nghị định 143/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28 tháng 11 năm 2003 và Quy định này.

Điều 8. Thu và sử dụng thủy lợi phí, tiền nước

Mức thu và quản lý, sử dụng thủy lợi phí, tiền nước thực hiện theo Quy định hiện hành của UBND tỉnh Tuyên Quang.

Điều 9. Kinh phí hỗ trợ đối với Hợp tác xã nông lâm nghiệp, Ban quản lý công trình thủy lợi, Tổ hợp tác dùng nước

1. Hợp tác xã nông lâm nghiệp, Ban quản lý công trình thủy lợi, Tổ hợp tác dùng nước được Nhà nước cấp kinh phí hỗ trợ để chi trả tiền điện, xăng dầu, bơm nước chống hạn, chống úng đối với các trạm bơm được xây dựng theo quy hoạch hoặc các trạm bơm di động nằm trong kế hoạch phòng chống úng, hạn; sửa chữa, khôi phục công trình thủy lợi bị thiên tai phá hoại được thực hiện theo Điều 13 Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ban hành ngày 04 tháng 4 năm 2001 và Điều 11 Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ;

2. Việc cấp kinh phí cho Hợp tác xã nông lâm nghiệp, Ban quản lý công trình thủy lợi, Tổ hợp tác dùng nước hàng năm được thực hiện theo quy định tại các Điều: 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 Nghị định 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ.

Chương IV **BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

Điều 10. Bảo vệ công trình thủy lợi

1. Các Hợp tác xã nông lâm nghiệp, Ban quản lý công trình thủy lợi, Tổ hợp tác dùng nước phải lập phương án bảo vệ công trình thủy lợi do đơn vị mình quản lý trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể như sau:

1.1- Các công trình thủy lợi tưới trong phạm vi một xã do UBND cấp xã phê duyệt;

1.2- Các công trình thủy lợi tưới liên xã do UBND cấp huyện phê duyệt;

1.3- Các công trình thủy lợi tưới liên huyện do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt.

2. Khi phát hiện công trình thủy lợi bị xâm hại hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố thì người phát hiện phải có trách nhiệm báo ngay với UBND xã, Hợp tác xã nông lâm nghiệp, Ban quản lý công trình thủy lợi, Tổ hợp tác dùng nước để xử lý và thực hiện các biện pháp ngăn chặn, khắc phục kịp thời.

3. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được áp dụng và thực hiện theo Điều 25 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, cụ thể:

3.1- Đối với đập dâng và đập của các hồ chứa: Thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 25 Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ban hành ngày 04 tháng 4 năm 2001;

3.2- Đối với khu vực lòng hồ, vùng phụ cận bảo vệ công trình được tính từ đường biên có cao trình bằng cao trình đỉnh đập trở xuống phía lòng hồ;

3.3- Đối với kênh nổi: Phạm vi không được xâm phạm từ chân mái ngoài của kênh trở ra từ 2 đến 3 m;

3.4- Đối với kênh chìm: Phải có nơi để làm bể lắng bùn cát, phạm vi không được xâm phạm cách mép lòng kênh từ 1-3 m;

3.5- Đối với trạm bơm: Phải có hàng rào bảo vệ, phạm vi không được xâm phạm cách máy bơm và nhà quản lý trạm bơm ít nhất 10 m.

4. Các hành vi nghiêm cấm được quy định tại Điều 28 Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình, cụ thể:

4.1- Lấn chiếm, sử dụng đất trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; các hoạt động gây cản trở đến việc quản lý, sửa chữa và xử lý công trình khi có sự cố; xây dựng trái phép nhà ở, các công trình kho, bến bãi, lều quán, chuồng trại chăn nuôi...;

4.2- Các hành vi trái phép gây mất an toàn cho công trình thủy lợi trong phạm vi bảo vệ công trình, bao gồm: Nổ mìn, khoan đào đất đá, tự ý dỡ bỏ hoặc san lấp công trình thủy lợi;

4.3- Chôn lấp phế thải trong phạm vi bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, xả nước thải, thuốc trừ sâu, ngâm tre gỗ, vứt bỏ rác thải và xác động vật xuống lòng hồ, cống, đập, kênh mương; dùng xung điện, chất nổ để đánh bắt cá, các hành vi khác xâm hại đến công trình thủy lợi;

4.4- Chặt phá rừng đầu nguồn, phát nương rẫy gây cạn kiệt nguồn nước;

4.5- Tháo cạn ao, hồ chứa có liên quan đến tưới tiêu, cuộc bờ, xẻ kênh, đóng mở cống van điều hoà nước trên hệ thống công trình thủy lợi khi chưa được phép của cấp có thẩm quyền;

4.6- Dùng nước của công trình thủy lợi để chạy máy phát điện loại nhỏ dùng cho hộ gia đình.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHAI THÁC, BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Điều 11. Chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước về khai thác bảo vệ công trình thủy lợi

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

1.1- Tổ chức việc tuyên truyền, học tập sâu rộng Luật Tài nguyên nước; Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; các Nghị định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn, quy định của Trung ương, của tỉnh về tổ chức, quản lý khai thác công trình thủy lợi đến toàn thể nhân dân và các đối tượng quản lý, sử dụng nước trên địa bàn;

1.2- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và những quy định của tỉnh và quy chế hoạt động của các Hợp tác xã nông lâm nghiệp, Ban quản lý công trình thủy lợi, Tổ hợp tác dùng nước;

1.3- Chỉ đạo Hợp tác xã nông lâm nghiệp, Ban quản lý công trình thủy lợi, Tổ hợp tác dùng nước xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch khai thác bảo vệ công trình thủy lợi; kế hoạch thu - chi thủy lợi phí hàng năm;

1.4- Trình UBND huyện, thị phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch thu chi thủy lợi phí, quyết toán thu chi thủy lợi phí, kinh phí hỗ trợ hàng năm của toàn xã, phường, thị trấn;

1.5- Chịu trách nhiệm trực tiếp giao chỉ tiêu kế hoạch, kiểm tra, đôn đốc, giúp đỡ Hợp tác xã nông lâm nghiệp, Ban quản lý công trình thủy lợi, Tổ hợp tác dùng nước thu thủy lợi phí theo hợp đồng đã ký kết giữa Hợp tác xã nông lâm nghiệp, Ban quản lý công trình thủy lợi, Tổ hợp tác dùng nước với hộ sử dụng nước. Kết quả thu thủy lợi phí là một chỉ tiêu đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách của UBND xã, phường, thị trấn hàng năm.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã:

2.1- Thực hiện quản lý nhà nước trong việc lập, xét duyệt quy hoạch, kế hoạch, xây dựng và phát triển hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn. Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch xây mới, tu bổ, nâng cấp hệ thống công trình hiện có để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng thi công; tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng;

2.2- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn; ký quyết định thành lập và phê duyệt nội quy, quy chế hoạt động của Ban quản lý công trình thủy lợi xã, liên xã;

2.3- Giao chỉ tiêu kế hoạch và đôn đốc thực hiện kế hoạch khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, kế hoạch thu, chi thủy lợi phí; kiểm tra, thanh tra tình trạng và an toàn công trình thủy lợi, việc chấp hành pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại và tố cáo về các vi phạm trong việc khai thác sử dụng và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn;

2.4- Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thu - chi thủy lợi phí, phê duyệt quyết toán thu chi thủy lợi phí hàng năm cho các xã, các Ban quản lý công trình thủy lợi liên xã;

2.5- Quyết định xử lý trong trường hợp công trình thủy lợi có nguy cơ xảy ra sự cố và những vấn đề UBND cấp xã đề nghị do vượt thẩm quyền của UBND cấp xã.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

3.1- Hướng dẫn việc tổ chức bộ máy, quy chế hoạt động của các tổ chức quản lý và bảo vệ công trình thủy lợi theo Quy định này và quy định pháp luật có liên quan;

3.2- Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ cấp và thu hồi giấy phép khai thác công trình thủy lợi và xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi, trình UBND tỉnh quyết định theo quy định phân cấp của Chính phủ;

3.3- Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và các quy định của UBND tỉnh có liên quan.

4. Sở Tài chính: Hướng dẫn, kiểm tra việc thu, chi, thanh quyết toán thủy lợi phí, kinh phí hỗ trợ đối với Hợp tác xã nông lâm nghiệp, Ban quản lý công trình thủy lợi, Tổ hợp tác dùng nước.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

5.1- Hướng dẫn thủ tục đăng ký kinh doanh và cấp giấy phép quản lý khai thác công trình thủy lợi cho các Hợp tác xã nông lâm nghiệp, Ban quản lý công trình thủy lợi, Tổ hợp tác dùng nước;

5.2- Kiểm tra, thanh tra quá trình thực hiện hoạt động của Hợp tác xã nông lâm nghiệp, Ban quản lý công trình thủy lợi, Tổ hợp tác dùng nước theo giấy phép quản lý khai thác công trình thủy lợi.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường:

6.1- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành Luật Tài nguyên nước và các quy định của UBND tỉnh có liên quan;

6.2- Giải quyết khiếu nại tố cáo về Luật Tài nguyên nước và các quy định của UBND tỉnh có liên quan.

Chương VI KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 12. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Khen thưởng:

1.1- Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thì được khen thưởng theo quy định của Nhà nước và

được Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên trong đầu tư nâng cấp, xây dựng mới công trình thủy lợi.

1.2- Kết quả thu thủy lợi phí là một chỉ tiêu để xem xét khen thưởng và đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách của UBND xã, phường, thị trấn hàng năm;

2. Xử lý vi phạm:

2.1- Tổ chức, cá nhân nào có hành vi lấn chiếm đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, xâm hại đến công trình thủy lợi hoặc có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả xảy ra mà bị xử phạt hành chính theo Nghị định số 140/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2005 của Chính Phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; buộc bồi thường thiệt hại bằng vật chất hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự;

2.2- Tổ chức, cá nhân nào chiếm dụng thủy lợi phí, sử dụng thủy lợi phí sai mục đích thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả gây ra sẽ bị xử lý từ phạt vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng cấp nước đến xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự;

2.3- Tổ chức, cá nhân nào thiếu tinh thần trách nhiệm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật về khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, quyết định xử lý trái pháp luật thì tùy theo mức độ vi phạm và hậu quả xảy ra mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường và Thủ trưởng các ngành liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quy định này;

2. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn; Chủ nhiệm Hợp tác xã Nông lâm nghiệp, Trưởng ban quản lý công trình thủy lợi xã, liên xã, liên huyện, Tổ trưởng Tổ hợp tác dùng nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện theo đúng Quy định này;

Điều 14. Quy định này thay thế Quy định về chế độ quản lý và sử dụng các công trình thủy lợi Nhà nước giao cho Hợp tác xã nông lâm nghiệp ban

hành theo Quyết định 142/QĐ-UB ngày 19 tháng 01 năm 1996 của UBND tỉnh Tuyên Quang.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc yêu cầu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp cùng các ngành, UBND các huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan tổng hợp thành văn bản báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp ./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Lê Thị Quang

congbao.tuyenquang.gov.vn